TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BÔI** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 178/2024/QĐCNTTLH	*Kim Bôi, ngày 27 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, 57, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị: Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn G.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của chị: Bùi Thị Đ;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án, ngày 11 tháng 12 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Chị: **Bùi Thị Đ**, sinh ngày 11 tháng 6 năm 1994

Nơi cư trú: Xóm Bộ M, xã K, huyện V, tỉnh Hòa Bình

+ Anh: **Bùi Văn G**, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1986

Nơi cư trú: Xóm Bộ M, xã K, huyện V, tỉnh Hòa Bình

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận, của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả Hòa giải, ngày 11 tháng 12 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận, của các bên tham gia hòa giải, được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, ngày 11 tháng 12 năm 2024 cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn G thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Không có

- *Công nợ chung:* Không có.

- *Về tài sản chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng đều xác nhận có tạo dựng được một số tài sản chung xây 01 nhà bếp, 01 công trình vệ sinh, 02 xe máy; chị Đ và anh G thỏa thuận sau khi ly hôn chị Bùi Thị Đ thanh toán tiền công sức đóng góp vào việc tạo lập tài sản chung cho anh Bùi Văn G số tiền 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu)*, chị Đ được sở hữu toàn bộ tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THA huyện Kim Bôi;
- UBND xã Kim Bôi;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Kiều Quang Dự